

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 020/VCF/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Sau đây viết tắt là ("VCF")

Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: (0251) 383 6554 Fax: (0251) 383 6108

Mã số doanh nghiệp: 3600261626

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: được thay thế bởi Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm FSSC 22000 số 38161802002 và Giấy chứng nhận này được cập nhật theo từng thời điểm.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL

2. Thành phần:

Bột kem thực vật, đường, hỗn hợp cà phê hòa tan 10 %, chất tạo màu (150a) tự nhiên, hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên, tự nhiên), muối, chất điều chỉnh độ acid (500(ii)).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

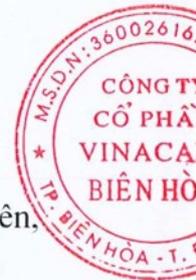
- Sản phẩm được chứa trong bao bì màng ghép phức hợp, đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế. Khối lượng tịnh: 17 g.

- Các gói được đóng vào bịch màng ghép phức hợp hoặc hộp giấy, sau đó được đóng vào thùng carton với quy cách:

- Bịch: Khối lượng tịnh: 782 g (46 gói x 17 g)
- Hộp: Khối lượng tịnh: 306 g (18 gói x 17 g)
- Thùng chứa bịch: Khối lượng tịnh: 9,384 kg (12 bịch x 46 gói x 17 g)
- Thùng chứa hộp: Khối lượng tịnh: 7,344 kg (24 hộp x 18 gói x 17 g)

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa ("Công ty"), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Handwritten signature in blue ink.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- D: Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa I, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

- L: Nhà máy cà phê Biên Hòa II – Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Lô đất số C I.III – 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

(Địa chỉ sản xuất được mã hóa thành các ký tự in hoa, in gần khu vực thông tin NSX – HSD)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (đính kèm Phụ lục - Danh mục chi tiết chỉ tiêu và mức công bố)

Sản phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm cà phê.
2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế đối với nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền)
3. Tiêu chuẩn của nhà sản xuất.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 29 tháng 9 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC 

Huỳnh Công Hoàn

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Phụ lục

DANH MỤC CHỈ TIÊU VÀ MỨC CÔNG BỐ

Đính kèm bản tự công bố số 020/VCF/2024



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA	NHÓM SẢN PHẨM CÀ PHÊ	Số TCCS 22:2024/BH106
	CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Các chỉ tiêu cảm quan: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

- Trạng thái: Dạng bột, tơi khô, không vón cục
- Màu sắc: Tổng thể màu nâu nhạt
- Mùi: Thơm nồng cà phê, mùi khói rang, mùi caramel đặc trưng.
- Vị: Đắng dịu, ngọt béo hài hòa, đậm cà phê và hậu thơm

2. Các chỉ tiêu kỹ thuật chủ yếu: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Độ ẩm	% khối lượng	$\leq 5,0$
2	Hàm lượng caffeine	% khối lượng	$\geq 0,3$
3	Hàm lượng chất đậm	g/100 g	2,6 – 4,9
4	Hàm lượng chất béo	g/100 g	10,6 – 19,7
5	Hàm lượng carbohydrate	g/100 g	49,9 – 92,7
6	Giá trị năng lượng	kcal/100 g	306 - 567
7	Hàm lượng natri	mg/100 g	207,5 – 385,4
8	Hàm lượng đường tổng số	g/100 g	33,8 – 62,8



3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: theo tiêu chuẩn nhà sản xuất (QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BYT ngày 01 tháng 03 năm 2012 của Bộ Y tế không có quy định cho sản phẩm cà phê):

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.

Handwritten signature

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10 ³
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10 ⁴
4	<i>Salmonella</i>	/25 g	Không phát hiện
5	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10 ²

4. **Hàm lượng kim loại nặng:** theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng chì (Pb)	mg/kg	2,0
2	Hàm lượng arsen (As)	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng cadmi (Cd)	mg/kg	1,0
4	Hàm lượng thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05

5. **Hàm lượng độc tố vi nấm:** theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm, ban hành kèm Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế cho nhóm sản phẩm cà phê hòa tan (cà phê uống liền):

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng ochratoxin A	µg/kg	10

6. **Danh mục phụ gia thực phẩm:** tra cứu theo Thông tư số 24/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 8 năm 2019 Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư số 17/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 9 năm 2023 Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm cho nhóm 14.1.5 Cà phê, sản phẩm tương tự cà phê, chè, đồ uống thảo dược và các loại đồ uống nóng từ ngũ cốc, không bao gồm đồ uống từ cacao:

TT	Tên phụ gia	Chú thích
1	Caramen nhóm I (caramen nguyên chất) (150a)	
2	Natri hydro carbonat (500(ii))	
3	Hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên, tự nhiên)	

Bản tự công bố này được đăng tải tại website: www.vinacafebienhoa.com

Bản tự công bố này là tài sản của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”), không được sao chép, trích dẫn hoặc tái bản dưới bất kỳ hình thức nào mà không được sự đồng ý của Công ty.



Số: **020413** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 19575.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA,
TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL
Ngày lấy mẫu : 13/08/2024
Lượng mẫu : 01 gói x 150 g
Ngày nhận mẫu : 13/08/2024
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 13/08/2024-19/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Độ ẩm	AOAC 979.12	1,75	% khối lượng
2	Caffein	HD.PP.02/TT.SK:2023 (a)	0,33	%

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong gói nhôm ép kín, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 30/8/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày**04-09-2024**

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

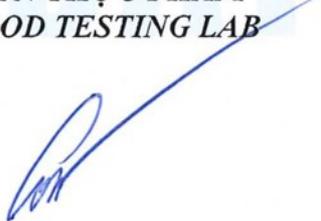
KT3-05946ATP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/08/2024
Page 01/02

1. Tên mẫu : CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL
Name of sample
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Sample description Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
As received sample is contained in sealed package.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 13/08/2024
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 14/08/2024 – 16/08/2024
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Customer Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang / See page 02/02
Test results

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thành Trung



KT3-05946ATP4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

30/08/2024
 Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm :
 Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng béo, Fat content	g/100 g	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)	-	-	15,6
7.2. Hàm lượng đường tổng số ^{(1)(*)} , Total sugars content	g/100 g	QTTN/KT3 096 : 2017	-	-	48,5
7.3. Hàm lượng protein, Protein content	g/100 g	QTTN/KT3 140 : 2016 Kjeldahl method	-	-	3,72
7.4. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, Carbohydrate excluding fibre content	g/100 g	AOAC 2020.07	-	-	72,9
7.5. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 g	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-	-	325
7.6. Năng lượng/ Calories ^(*) • kcal/100 g		QTTN/ KT3 024 : 2018	-	-	447

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(1): Hàm lượng đường tổng số/ Total sugars content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose+ galactose)



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



5846.24

Số: 020444 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 20651.24



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL
Ngày lấy mẫu : 13/08/2024
Lượng mẫu : 01 gói x 200 g
Ngày nhận mẫu : 22/08/2024
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 22/08/2024-29/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a) (e)	Không phát hiện LOD = 0,02	mg/kg

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong gói nhựa ép kín, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 30/8/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (e) Phép thử được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04-09-2024.

Y
FUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN
VIỆN
Y TẾ CÔNG CỘNG
THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH
TS. Nguyễn Đức Thịnh



Số: **020445** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 20652.24



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA
Địa chỉ : KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 1, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM
Tên mẫu : CÀ PHÊ HÒA TAN VINACAFÉ SPECIAL
Ngày lấy mẫu : 13/08/2024
Lượng mẫu : 01 gói x 200 g
Ngày nhận mẫu : 22/08/2024
Người gửi mẫu : Lê Ngọc Lâm
Người nhận mẫu : Dương Nữ Thanh Vân
Thời gian thử nghiệm : 22/08/2024-29/08/2024

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Ochratoxin A	HD.PP.17/TT.SK: 2023 (Ref. AOAC 2004.10) (a)	Không phát hiện LOD = 0,3	µg/kg
2	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a) (e)	< 10	CFU/g
3	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a)	< 10	CFU/g
4	Salmonella spp.	TCVN 10780-1:2017; ISO 6579-1:2017/Amd 1:2020 (a)	Không phát hiện	/25 g
5	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (a) (e)	< 10	CFU/g

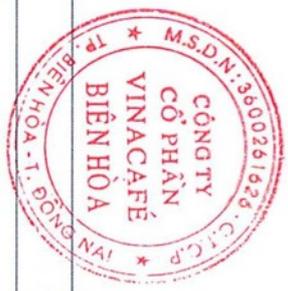
Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong gói nhựa ép kín, không có nhãn sản phẩm, không NSX - HSD. Thông tin mẫu do khách hàng cung cấp. Khách hàng cung cấp Tên mẫu chính thức ngày 30/8/2024.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (e) Phép thử được Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 10 CFU /g : được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **04-09-2024**

TUỔI VIÊN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN

TS. Nguyễn Đức Thịnh



14	5	150	5	8
		118		

4.5
5
10.5
2.2
31
2.2
13.5
2
4.5

22
35
22

10
5

Hướng dẫn sử dụng:
 Dùng trong: Hòa tan 1 gói sản phẩm vào 70 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức.
 Dùng lạnh: Hòa tan 2 gói sản phẩm vào 60 ml nước nóng, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức.
 Try before you buy (thử trước khi mua): Mua 10 gói thử và phải mua thêm 20 gói.
 Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp. Tránh để sản phẩm tiếp xúc với hơi nước.
 Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì. Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

Sản phẩm đạt tiêu chuẩn của Vinacafé và được chứng nhận bởi các tổ chức uy tín:
 Sản phẩm của Vinacafé Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
 Tư vấn khách hàng: 1800 6066

CÀ PHÊ HOÀ TÂN VINACAFÉ SPECIAL
 Sản xuất tại Việt Nam
 Sản xuất theo số TCCS 22:2014/BNH106
 Khối lượng tịnh: 17 g
 Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Since 1989

Vinacafé

BẬT Ý TƯỞNG



Thành phần: Bột kem thực vật, đường, bột bắp và phôi hạt cà phê 100%, chất tạo màu (E102) từ thiên nhiên, hương liệu (tổng hợp), glucose fructose, fructose, malic acid, chất điều chỉnh độ acid (E330) (E330).

Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa và đậu nành.

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5%, hàm lượng caffeine 16 mg/17g, 0.3%.

Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 1 gói 17 g:
 Năng lượng 74,2 kcal, Chất béo 0,9 g, Carbohydrat 12,1 g,
 Chất bột 2,6 g, Hàm lượng cafein 8,2 mg.

Danh tiếng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
 Exclusively for sale in Vietnam. Export not authorized.



8 934683 010891

BNMF00322

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BNMF00322

24 SEP 2024



Hướng dẫn sử dụng:

Dùng nóng: Hòa tan 1 gói sản phẩm với 70 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức

Dùng lạnh: Hòa tan 2 gói sản phẩm với 60 ml nước nóng, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức

Tùy chỉnh lượng gói (hoặc lượng nước) theo sở thích cà phê đậm nhạt của bạn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

Thành phần: Bột kem thực vật, đường, hỗn hợp cà phê hòa tan 10 %, chất tạo màu (150a) tự nhiên, hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên), tự nhiên), muối, chất điều chỉnh độ acid (500(i))

Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa và đậu nành

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu: Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 0,3 %

CÀ PHÊ HOÀ TAN VINACAFÉ SPECIAL

Sản xuất tại Việt Nam

Sản xuất theo số TCCS 22:2024/BH106

Khối lượng tịnh: 17 g

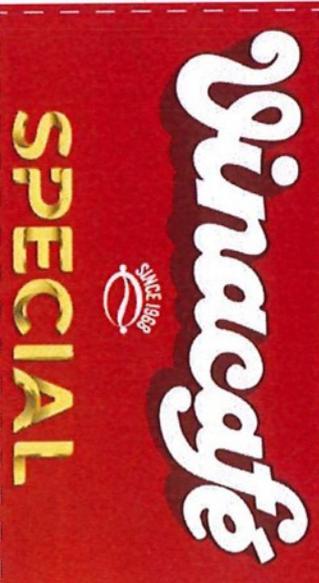
Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm



Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BNMFO0322

BẬT Ý TƯỞNG



Sản phẩm chất lượng của VINACAFÉ BH Vietnam Value
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Giá trị dinh dưỡng trung bình có trong 1 gói 17 g:
Năng lượng 74,2 kcal, Chất đạm 0,6 g, Carbohydrat 12,1 g, Chất béo 2,6 g, Natri 50,4 mg, Đường tổng số 8,2 g
Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized

24 SEP 2024

220mm 90mm 620 mm 220mm 90mm 5 | 10 | 10 | 5 | 5 | 10 | 10 | 5 | 30 mm - 5



Vinacafé

SINCE 1989

SPECIAL

BẬT Ý TƯỜNG



CÁI PHÊ HÒA TÂN

Vinacafé

SINCE 1989

SPECIAL

BẬT Ý TƯỜNG



CÁI PHÊ HÒA TÂN

Giá trị dinh dưỡng trên 100g

Chất béo	14,1g
Chất đạm	6,9g
Carbohydrat	13,1g
Đường	2,9g
Chất xơ	0,4g
Energy/kcal	43,9

Chỉ tiêu chất lượng quốc gia

Đạt tiêu chuẩn TCVN 3122:2008 (ISO 9001:2008)

Hướng dẫn sử dụng:

Đang uống: Cho 1 gói bột pha với nước nóng hoặc đá.

Đang pha: Cho 1 gói bột pha với nước nóng hoặc đá.

Đang bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh sáng trực tiếp.

CÁI PHÊ HÒA TÂN VINACAFÉ SPECIAL

45 mm

30 mm - 5

5 | 10 | 10 | 5

90mm

220mm

5 | 10 | 10 | 5

350 mm

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BNTU01304

24 SEP 2024



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH CỖ TRONG 1 GÓI 17 g

Năng lượng	74,2kcal
Chất đạm	0,6g
Carbohydrat	12,1g
Chất béo	2,6g
Natri	50,4 mg
Đường tổng số	8,2g

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Độ ẩm không quá 5 %. Hàm lượng caffeine tối thiểu 0,3 %

Hướng dẫn sử dụng:



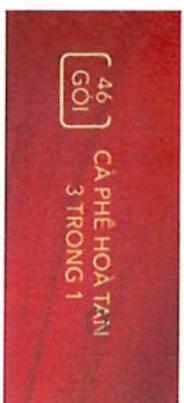
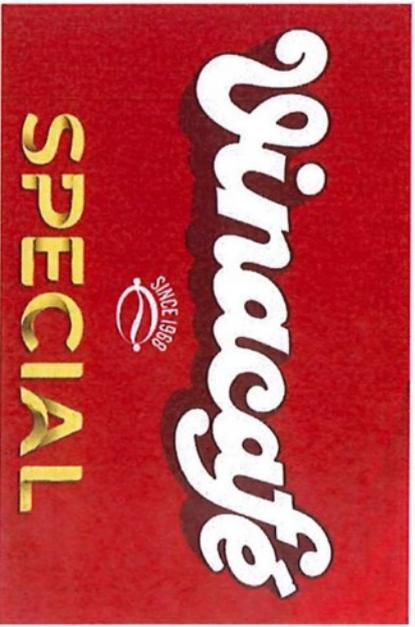
Dùng nóng:
Hòa tan 1 gói sản phẩm với 70 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức



Dùng lạnh:
Hòa tan 2 gói sản phẩm với 60 ml nước nóng, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức
Tùy chỉnh lượng gói (hoặc lượng nước) theo sở thích cà phê đậm nhạt của bạn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

CÀ PHÊ HOÀ TAN VINACAFÉ SPECIAL



Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BNTU01304

24 SEP 2024

CHUYÊN VIÊN BỘ MÔN
MÉT LƯỢNG SỬ DỤNG

46 GÓI CÀ PHÊ HOÀ TAN 3 TRONG 1



Sản phẩm
chất lượng của



Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa
Khu công nghiệp Biên Hòa 1,
phường An Bình, thành phố Biên Hòa,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Sản xuất tại Việt Nam
Tư vấn khách hàng: 1800 6068
Sản xuất theo số TCCS 22:2024/BH106

Thành phần: Bột kem thực vật, đường, hỗn hợp cà phê hòa tan 10 %, chất tạo màu (150a) tự nhiên, hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên, tự nhiên), muối, chất điều chỉnh độ acid (500(ii))

Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa và đậu nành

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì
Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 782 g (46 gói x 17 g)

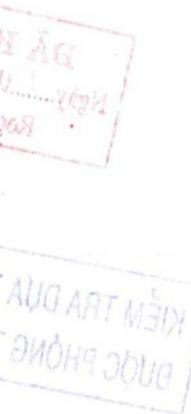


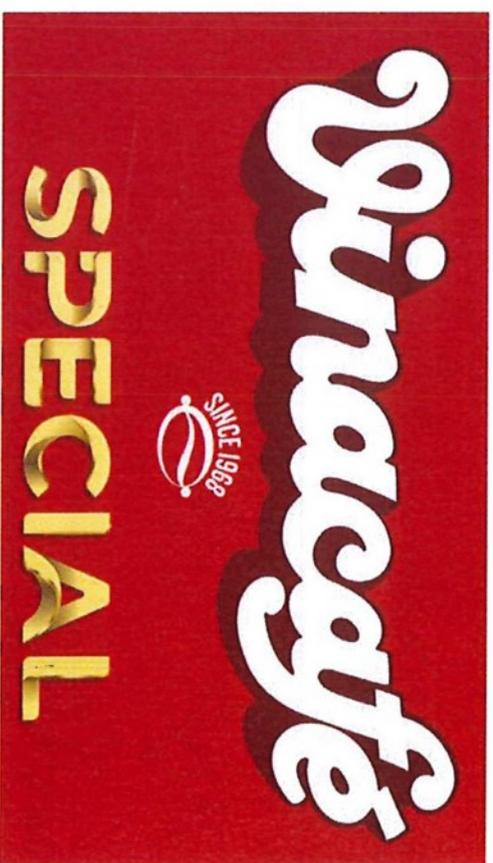
BNTU01304

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BNTU01304

24 SEP 2024





GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
CÓ TRONG 1 GÓI 17 g

Năng lượng	74,2 kcal
Chất đạm	0,6g
Carbohydrat	12,1 g
Chất béo	2,6g
Natri	50,4 mg
Đường tổng số	8,2g

Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:
Độ ẩm không quá 5 %, Hàm lượng caffeine tối thiểu 0,3 %

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng nóng: Hòa tan 1 gói sản phẩm với 70 ml nước nóng, khuấy đều và thưởng thức

Dùng lạnh: Hòa tan 2 gói sản phẩm với 60 ml nước nóng, khuấy đều, cho thêm đá và thưởng thức

Tùy chỉnh lượng gói (hoặc lượng nước) theo sở thích cà phê đậm nhạt của bạn

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh

CÀ PHÊ HOÀ TAN VINACAFÉ SPECIAL

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGHF00224

24 SEP 2024



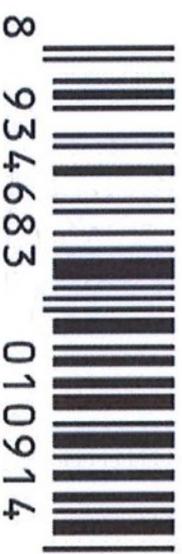
Thành phần: Bột kem thực vật, đường, hỗn hợp cà phê hòa tan 10 %, chất tạo màu (150a) tự nhiên, hương liệu (tổng hợp, giống tự nhiên, tự nhiên), muối, chất điều chỉnh độ acid (500(ii))

Sản phẩm chứa nguyên liệu có nguồn gốc từ sữa và đậu nành

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.



BGHF00224

Khối lượng tịnh: 306 g (18 gói x 17 g)

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Sản phẩm
chất lượng của



Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Sản xuất theo số TCCS 22:2024/BH106

Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGHF00224

24 SEP 2024

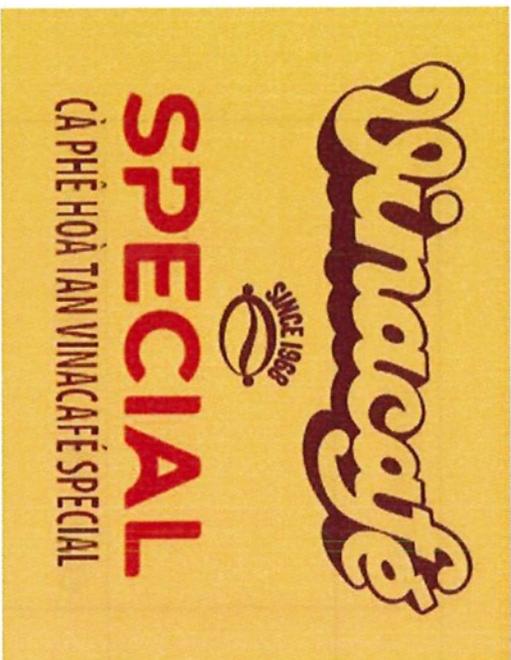
30 406 296 406 296



Thùng 12 Bịch

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGTF00564

24 SEP 2024



Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhãn



Sản phẩm chất lượng của VINACAFÉ BH Vietnam Value CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Sản xuất tại Việt Nam

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh. Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất Tư vấn khách hàng: 1800 6068



Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Khối lượng tịnh: 9,384 kg (12 bịch x 46 gói x 17 g)

Thùng 12 Bịch



Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGTf00564

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN BẬT Tỉnh Biên Hòa, Đồng Nai

CHỖ CHỮ KIỂM SOÁT NỘI BỘ

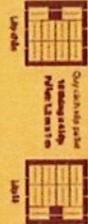
24 SEP 2024

30 mm

420 mm

420 mm

232 mm



08CF00823

Vinacafé

SINCE 1969

SPECIAL

BẬT Ý TƯỞNG

CÁI PHÊ HÒA TÂN VINACAFÉ SPECIAL



08CF00823

Vinacafé

SINCE 1969

SPECIAL

BẬT Ý TƯỞNG

CÁI PHÊ HÒA TÂN VINACAFÉ SPECIAL



08CF00823

Vinacafé

SINCE 1969

SPECIAL

BẬT Ý TƯỞNG

CÁI PHÊ HÒA TÂN VINACAFÉ SPECIAL



BGTF00565

116 mm

313 mm

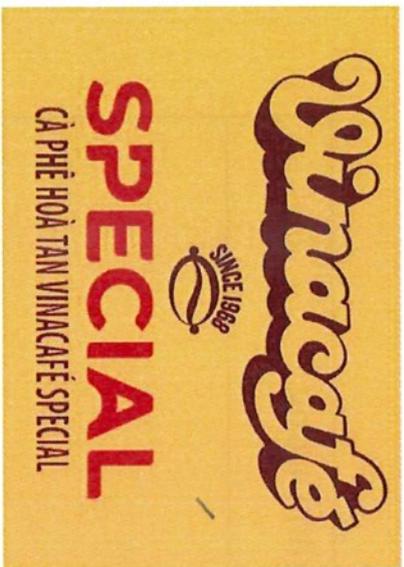
116 mm

Thùng 24 Hộp

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGTF00565




 24 SEP 2024



Mã kiểm soát nội bộ có thể thay đổi theo nhu cầu quản lý nhân

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Tránh để gần hóa chất và sản phẩm có mùi mạnh.

Ngày sản xuất (NSX): xem trên bao bì

Hạn sử dụng (HSD): 18 tháng kể từ ngày sản xuất

Tư vấn khách hàng: 1800 6068

Hình ảnh trên bao bì chỉ mang tính chất minh họa cho sản phẩm.

Sản phẩm chất lượng của

VINACAFÉ BH Vietnam Value

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA

Khu công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Sản xuất tại Việt Nam

Dành riêng cho thị trường Việt Nam, không dành cho xuất khẩu.
Exclusively for sale in Vietnam. Exports are not authorized.

Quy cách xếp pallet

10 thùng x 4 lớp

Pallet: 1,2 m x 1 m

Lớp chẵn

Lớp lẻ

18934683010911

Khối lượng tịnh:

7,344 kg (24 hộp x 18 gói x 17 g)



Thùng 24 Hộp

Mã kiểm soát AW: 22/2024/BH106.BGTf00565



24 SEP 2024